TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 316 /2018/DS-ST
Ngày: 03/10 /2018
V/ v tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Trung Trực.**

2/ Ông **Nguyễn Phúc Viễn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-DSST ngày 26/4/2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2018/QĐXX-ST ngày 29/8/2018 giữa các đương sự:

1/ Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm: 1974 (có mặt)

2/ Bà Hồ Thị Kiều D, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

-Đại diện theo uỷ quyền của bà Hồ Thị Kiều D: Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm: 1974 (có mặt).

Cùng trú tại: Số Đ, Phường G, Thành phố M, tỉnh T.

* Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản khai, và tại phiên Tòa hôm nay, Ông Nguyễn Tiến B và bà Hồ Thị Kiều D trình bày: Năm 2017 ông bà có cho ông Phạm Văn B mượn tiền, đây là tiền chung của hai vợ chồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 11/02/2017 ông bà cho ông B mượn số tiền 150.000.000 đồng, có biên nhận. Thời hạn trả nợ và lãi suất thoả thuận miệng là từ 01 tuần đến 02 tuần, lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay, Ông B không trả lãi và nợ gốc như thỏa thuận, ông B còn nợ số tiền 150.000.000 đồng nợ gốc và lãi từ ngày 11/02/2017 đến nay.

- Lần 2: Ngày 07/3/2017 ông B tiếp tục mượn của ông bà số tiền là 70.000.000 đồng, có biên nhận. Thời hạn trả nợ và lãi suất thoả thuận miệng là từ 01 tháng, lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay, Ông B không trả lãi và nợ gốc như thỏa thuận, ông B còn nợ số tiền 70.000.000 đồng nợ gốc và lãi từ ngày 07/3/2018 đến nay.

Nay ông bà yêu cầu ông Phạm Văn B trả số tiền nợ tổng cộng là 220.000.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi suất. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình tố tụng, Toà án nhân dân huyện Chợ G đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng ông Phạm Văn B không nộp bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng tại phiên toà hôm nay, ông cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc Ông Nguyễn Tiến B và bà Hồ Thị Kiều D yêu cầu Ông Phạm Văn B trả cho ông bà số tiền nợ tổng cộng 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B và bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản " thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện C đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn B theo đúng qui định và đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng tại phiên toà hôm nay, ông cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Toà án xét xử vắng mặt ông theo quy định.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Xét lời trình bày của các đương sự và các các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định Ông Phạm Văn B có vay tiền của ông B, bà D tổng cộng 220.000.000 đồng, có các biên nhận vào ngày 11/2/2017 và ngày 07/3/2017. Quá trình tố tụng, Toà án nhân dân huyện C đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng ông Phạm Văn B không nộp bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ

hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của các nguyên đơn. Do đó việc Ông B và bà D yêu cầu Ông B trả số tiền 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận

[4] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tiến B và bà Hồ Thị Kiều D.

Buộc ông Phạm Văn B phải trả cho Ông Nguyễn Tiến B và bà Hồ Thị Kiều D số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn B phải nộp 11.000.000 đồng.

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Tiến B và bà Hồ Thị Kiều D số tiền 5.500.000 đồng theo biên lai số 0014540 ngày 26/4/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Tiến B và bà Hồ Thị Kiều D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Văn Bảy có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T.
- VKS nhân dân huyện C.
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Ngọc Hạnh